

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2020

“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến

Chủ tịch Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hà

Ông Nguyễn Huy Trụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh PT tham gia phiên tòa: Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”; Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 315/2020/ QĐXX-HNGĐ, ngày 18/6/2020 và Quyết Đ hoãn phiên tòa ngày 07/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Chữ Thị Đ**, sinh năm 1987;

Nơi ĐKKHKT: Đội 7, thôn Nỗ Lực, xã TV, thành phố VT, tỉnh PT.

Nơi công tác: VKSND CC tại TP H.

Hiện đang tạm trú tại: số 33 đường Hàn Thuyên, phường BN, Quận 1, thành phố H. (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông: **Lê H**, Luật sư - Công ty Luật TNHH H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1983;

Nơi ĐKKHKT: Đội 7, thôn Nỗ Lực, xã TV, thành phố VT, tỉnh PT. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn chị Chữ Thị Đ trình bày: Chị Đ và anh Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn ngày 09/11/2011, tại UBND xã TV, thành phố VT, tỉnh PT, trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện, không ai bị ép buộc gì. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến tháng 12/2013, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh

B thường xuyên đánh đập chị và không chịu làm ăn, chơi bời, cờ bạc nên vào năm 2014 anh B bị Tòa án nhân dân thành phố VT xử về tội đánh bạc nhưng anh B không chịu sửa chữa và còn đánh chị nhiều lần. Lần gần đây nhất vào tháng 9/2016 anh B dùng dép ném vào người chị Đ và dùng chảo đánh vào đầu chị, dùng cán chổi và điều cày liên tiếp đánh vào người chị Đ. Hành vi của anh B làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần chị, luôn cảm thấy sợ hãi, bất an. Đến ngày 27/9/2016, chị Đ đã làm đơn xin ly hôn anh B nhưng thời gian này anh B đi lao động nước Đài Loan nên chị rút đơn xin ly hôn. Trong thời gian anh B ở Đài Loan cũng không quan tâm gì đến gia đình vợ con. Sau khi về nước tháng 8/2019, anh B vẫn không quan tâm, hỏi han, chăm sóc gì đến chị và con. Hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2016 đến nay. Nay chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị Đ xác Đ chị và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 13/9/2012; khi ly hôn chị xin nuôi con và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy Đ của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh B thừa nhận quá trình tìm hiểu và thời gian kết hôn như chị Đ trình bày trên là hoàn toàn đúng. Nhưng anh B cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên anh không nhất trí ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh B xác Đ vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Trúc, sinh ngày 13/9/2012; Nếu chị Đ kiên quyết ly hôn thì anh nhận nuôi con chung và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Anh B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh PT, tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Chủ Thị Đ.

- Xử cho chị Chủ Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.
- Về con: Giao cho chị Chủ Thị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thanh Trúc, sinh ngày 13/9/2012; anh Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ theo quy Đ của pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị Đ và anh B không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Đ và anh B phải chịu án phí theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1]. *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Chủ Thị Đ và anh Nguyễn Văn B; Hai bên đều đăng ký hộ khẩu tại thôn Nỗ Lực, xã TV, thành phố VT, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Xét thấy, phía chị Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, quy Đ tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc Tòa án xét xử vắng mặt chị Đ là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Xét thấy, phía anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh B cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng; Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc xét xử vắng mặt anh B tại phiên tòa hôm nay là phù hợp theo quy Đ của pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Chủ Thị Đ và anh Nguyễn Văn B, đăng ký kết hôn ngày 09/11/2011, tại UBND xã TV, thành phố VT, tỉnh PT dựa trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, không ai bị ép buộc là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Chị Đ cho rằng sau kết hôn vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường đánh chị và không quan tâm gì đến gia đình. Hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ và sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Phía chị Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị xin được ly hôn anh B; Phía anh B cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên anh không nhất trí ly hôn với chị Đ mặt khác, anh B theo đạo thiên chúa giáo, theo quy Đ của đạo thiên chúa giáo thì vợ chồng không được phép ly hôn.

Xét yêu cầu xin được đoàn tụ của anh B thấy rằng, kể từ khi chị Đ có đơn xin ly hôn anh B cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng và anh B không đến Tòa án để giải quyết, như vậy chứng tỏ anh B xin đoàn tụ là không thiện chí và không thực tâm. Mặt khác, năm 2016 chị Đ đã làm đơn xin ly hôn anh B tại Tòa án nhưng sau khi chị Đ rút đơn ly hôn thì cuộc sống vợ chồng cũng không cải thiện. Ngày 04/6/2020 Tòa án nhân dân thành phố VT tiến hành xác minh tại khu dân cư nơi anh B đang cư trú thì xác Đ anh B theo đạo Công giáo cư trú tại khu 3, xã TV còn chị Đ đã chuyển công tác vào thành phố Hồ

Chí Minh, giữa chị Đ và anh B không chung sống cùng nhau nữa nên việc xin đoàn tụ của anh B là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Đ và anh B đã không còn vì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016. Hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh B là phù hợp theo quy Đ tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Chị Đ và anh B xác Đ vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Trúc, sinh ngày 13/9/2012, khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin nuôi con của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Nhưng xét thấy cháu Trúc còn nhỏ lại là bé gái cần nhiều sự chăm sóc của người mẹ hơn, để đảm bảo về mọi mặt cho con chung vì hiện nay cháu Trúc đang học tập và sống cùng chị Đ tại thành phố Hồ Chí Minh, chị Đ có công việc, thu nhập ổn Đ. Mặt khác, cháu Trúc có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần giao con chung cho chị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Phía chị Đ yêu cầu anh B phải cấp dưỡng theo quy Đ của pháp luật. Xét đề nghị của chị Đ về việc yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, nên cần buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ với mức 1.000.000đồng/1 tháng, kể từ ngày 24/7/2020 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện Đ kỳ hằng tháng là phù hợp quy Đ của pháp luật.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị Đ và anh B không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[5]. *Về án phí*: Chị Đ phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy Đ là phù hợp pháp luật.

V× c, c lĩ tr²n;

quyỐt ®Pnh:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Chủ Thị Đ.

1. Xử cho chị Chủ Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Chủ Thị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thanh Trúc, sinh ngày 13/9/2012; anh Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ với mức 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng, phương thức cấp dưỡng được

thực hiện Đ kỳ hằng tháng, kể từ ngày 24/7/2020 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Chị Đ cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đối với anh B.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị Đ và anh B không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chủ Thị Đ phải chịu 300.000,đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000,đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000892 ngày 17/4/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VT, tỉnh PT.

Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000,đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy Đ của pháp luật.

“Trường hợp bản án này được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự” ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.VT;
- VKSND tỉnh PT;
- Chi cục THADS TP.VT;
- UBND xã TV,TP.VT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Luyến